

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2025/HC-PT

Ngày: 09-6-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực tài nguyên nước
và khoáng sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đình Phước Hòa**

Các thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**
Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 128/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HCST ngày 01-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1509/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Bùi Văn Á**, sinh năm 1977; địa chỉ: **thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Tuyết S**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Tổ C, khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Q**. Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông **Phan Khắc C** - Chủ tịch **Hội Luật gia tỉnh Q**. Vắng mặt.

2. Giám đốc **Công an tỉnh Q**. Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Phan Văn C1** - Phòng Tham mưu **Công an tỉnh Q**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đặng Ngọc B**, sinh năm 1987; địa chỉ: **thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

2. Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1948.

3. Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: **thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Mẹ vợ ông **Bùi Văn Á** là bà **Võ Thị H** có hồ nuôi tôm, muốn mua cát nâng đáy hồ lên nên có nhờ ông **Bùi Văn Á** liên hệ để mua cát giúp, bà **H** là người đưa tiền. Do vậy, ông **Bùi Văn Á** tìm hiểu thì nghe dân làng chỉ dẫn ông **Đặng Ngọc B** có bán cát, ông tìm gặp ông **Đặng Ngọc B** để thống nhất mua cát giúp mẹ vợ. Ông **Bùi Văn Á** ứng trước cho ông **Đặng Ngọc B** 20 triệu đồng, khi nào hoàn thành sẽ đo khối cát quy ra tiền thanh toán cho ông **B**, giá cát ông **Đặng Ngọc B** bán là 25.000đ/m³ cát. Ông **Đặng Ngọc B** yêu cầu ông nêu thống nhất thì viết giấy ghi rõ nội dung thỏa thuận, ứng tiền rồi ông **Đặng Ngọc B** mới tiến hành đổ cát. Ông **Á** về trao đổi với bà **Võ Thị H** nội dung trên thì bà thống nhất và bảo ông triển khai, bà **Võ Thị H** đưa ông **Á** 20 triệu để đưa cho ông **B**. Ngày 22/4/2023, ông **Bùi Văn Á** viết giấy hợp đồng với các nội dung thỏa thuận như trên, ông **Bùi Văn Á** (đại diện cho bà **Võ Thị H**) và ông **Đặng Ngọc B** ký vào giấy hợp đồng trên (hợp đồng được lập 01 bản). Ông **Bùi Văn Á** mang về đưa bà **Võ Thị H** giữ.

Sau đó, ông **Đặng Ngọc B** thực hiện hành vi đưa cát trực tiếp vào hồ tôm của bà **Võ Thị H**, khi ông **B** đang thực hiện thì bị Tổ tuần tra thuộc **Phòng C2 Công an tỉnh Q** lập Biên bản hiện trường xảy ra sự việc vào lúc 03h30 phút ngày 07/5/2023. Khi lập biên bản hiện trường, tổ tuần tra cũng tịch thu hết các máy móc, phương tiện hút cát của ông **B**. Lúc này ông không hề hay biết, đến sáng hôm sau mới nghe tin sự việc, sau đó cán bộ của Tổ tuần tra đề nghị ông **Bùi Văn Á** ký vào giấy do tổ lập ra, ông không ký nhưng được các ông cán bộ giải thích là ký với tư cách người dân địa phương biết rõ sự việc của Tổ tuần tra chứ không có gì nên bảo ông yên tâm ký vào biên bản.

Sự việc tương đã kết thúc, ông chẳng liên quan gì nhưng sau đó ngày 14/9/2023, **Phòng C3 Công an tỉnh Q** mời ông đến trụ sở Phòng cảnh sát rồi lập Biên bản vi phạm hành chính số 0000001/BB-VPHC đối với hành vi vi phạm vào lúc 03h30 phút ngày 07/5/2023 về hành vi khai thác cát lòng sông tại tuyến **sông T, thuộc thôn H, xã T, huyện N**. Ông **Bùi Văn Á** thấy vô lý nên không đồng ý, ông cũng thể hiện nội dung này trong biên bản nhưng sau đó ông vẫn nhận được Quyết định xử phạt hành chính số 2026/QĐ-UBND ngày 26/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Còn hành vi ông B thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị xét xử do trước đây ông B đã bị xử phạt hành chính về hành vi khai thác tương tự như trên, Bản án hình sự xét xử ông B được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên án số 102/2023/HS-ST ngày 04/12/2022; bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Quyết định xử phạt hành chính số 2026/QĐ-UBND ngày 26/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, xử phạt ông vì hành vi vi phạm khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, với tổng khối lượng khoáng sản (cát) khai thác từ thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m³ trở lên được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ. Số tiền xử phạt ông là 175.000.000 đồng.

Sau khi nhận được Quyết định xử phạt trên ông có Đơn khiếu nại. Ngày 27/12/2023 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2855/QĐ-UBND bác nội dung khiếu nại của ông.

Ông Bùi Văn Á cho rằng hành vi của ông không khai thác trái phép khoáng sản, ông chỉ trung gian mua cát giúp bà Võ Thị H, đất hồ tôm do Võ Thị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền mua cát do bà Võ Thị H chi trả cho ông B, ông chỉ việc phụ bà Võ Thị H liên hệ mua và giao tiền nhưng bị quy kết là khai thác với ông Bàn L chưa có cơ sở. Nội dung Giấy hợp đồng này thể hiện rất rõ thỏa thuận giữa ông và ông B (nội dung này đã được ông B trình bày rất rõ ở phiên tòa sơ thẩm và được ghi nhận trong bản án hình sự). Còn đất là của bà Võ Thị H, bà H nhờ ông mua cát chứ không phải ông mua, tiền bà Võ Thị H trả. Nội dung này đã được bà Võ Thị H trình bày trong buổi đối thoại, xác minh nhưng vẫn không được cơ quan chức năng xem xét.

Việc tổ tuần tra lập Biên bản hiện trường lúc 03h30 phút ngày 07/5/2023 cho hành vi vi phạm của ông Đặng Ngọc B, máy móc phương tiện, dụng cụ là của ông B, người trực tiếp thực hiện hành vi là ông B, ông không có mặt ở đây, lúc này ông đang ngủ. Phòng cảnh sát giao thông lập Biên bản vi phạm ngày 14/9/2023 cho hành vi vi phạm xảy ra vào 03h30 phút ngày 07/5/2023, người đang thực hiện hành vi vi phạm là ông B chứ không phải ông.

Do đó, ông Bùi Văn Á khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Biên bản vi phạm hành chính số 0000001/BB-VPHC ngày 14/9/2023 của Phòng C3 Công an tỉnh Q.

- Hủy Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

- Hủy Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn Á.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q trình bày:

Ông **Đặng Ngọc B** (sinh ngày 08/02/1987; trú tại **thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**) làm nghề chài lưới và nuôi cá bè trên **sông T** gần sát hồ nuôi tôm của ông **Bùi Văn Á**. Ông **Bùi Văn Á** có 03 hồ tôm, trong đó 02 hồ sát bờ sông đang thả nuôi tôm, 01 hồ trong cùng sát đường bê tông bị sạt lở nên muốn gia cố bằng cách đổ cát nâng đáy hồ tôm cao lên. Thấy ông **B** có 01 bè gỗ làm bằng tre cột lại với nhau, bên dưới gắn với các phao xốp để nổi, bên trên đặt 01 máy nổ nhãn hiệu Jiang Dong loại D30, 01 đầu hút bằng kim loại nối với đường ống dây nhựa, nên ngày 22/4/2023, ông **Bùi Văn Á** hẹn ông **B** gặp mặt tại trại trông coi hồ tôm của ông **Bùi Văn Á** để bàn bạc, thống nhất nội dung sau: ông **B** chịu trách nhiệm sử dụng các máy móc trên hoạt động khai thác cát lòng sông **T** đổ vào hồ tôm bị sạt lở của ông **Á** để nâng đáy hồ tôm lên cao khoảng 30cm, ông **Bùi Văn Á** đồng ý chỉ trả tiền mua dầu Diesel cho ông **Đặng Ngọc B** hoạt động máy móc sau khi hoàn thành xong công việc, ông **Bùi Văn Á** sẽ cho ông **B** mượn hồ tôm nói trên để trải bạt nuôi cá vào mùa đông. Tối ngày 22/4/2023, ông **B** bắt đầu hoạt động khai thác cát trên **sông T thuộc thôn H, xã T, huyện N (Quảng Nam)**. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 07/5/2023, Tổ công tác **Phòng C2 Công an tỉnh** kiểm tra, phát hiện ông **Đặng Ngọc B** đang hoạt động khai thác khoáng sản (cát) tại khu vực trên nên đã yêu cầu tạm dừng hoạt động, xuất trình giấy tờ liên quan để kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra, ông **B** thừa nhận hành vi khai thác cát tại khu vực trên từ ngày 22/4/2023 đến ngày 07/5/2023 không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép. Tổ công tác lập biên bản sự việc và tạm giữ tang vật, phương tiện liên quan.

Qua xác minh, trước đó, ngày 20/9/2022, ông **Đặng Ngọc B** đã bị Giám đốc Công an tỉnh ra Quyết định số 2401/QĐ-XPHC, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo khoản 23 Điều 02 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ mức tiền phạt 25.000.000 đồng.

Ngày 08/5/2023, **Phòng C2 Công an tỉnh Q** có Văn bản số 306/PC08B gửi **Sở T1** tỉnh đề nghị cung cấp thông tin cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực tuyến **sông T, thôn H, xã T, huyện N (Quảng Nam)**. Ngày 10/5/2023, **Sở T1** có Văn bản số: 1022/STNMT-KS xác định “khu vực nêu trên chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào”.

Ngày 10/5/2023, **Phòng C2 Công an tỉnh** phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra, **Phòng K**, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương xã Tam Hòa, huyện Núi Thành tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm tra, đo đạc xác định khối lượng cát do ông **B** đã khai thác trái phép từ ngày 22/4/2023 đến ngày 07/5/2023 chứa trong hồ của ông **Bùi Văn Á** là 874,9m³. Ngày 09/8/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự có Kết luận định giá tài sản số 2564/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị bằng tiền Việt Nam đồng của 874,9m³ cát nhiễm mặn

dùng để san lấp tại thời điểm ngày 07/5/2023 là 87.490.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Ngày 12/5/2023, **Phòng C2** Công an tỉnh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” số 01/QĐ- PC08B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh điều tra theo thẩm quyền. Ngày 13/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra Quyết định khởi tố bị can số 137/QĐ-VPCQCSĐT đối với **Đặng Ngọc B** về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được VKSND tỉnh phê chuẩn tại Quyết định số 119/QĐ-VKSQN-P3 ngày 16/6/2023).

Ngày 26/9/2023, Chủ tịch **UBND tỉnh Q** ban hành Quyết định số 2026/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Bùi Văn Á** căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020-NĐ/CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP, ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khi tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; mức phạt 175.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2023, ông **Bùi Văn Á** có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông **Bùi Văn Á**.

Ngày 13/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2202/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và Thông báo số 314/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông **Bùi Văn Á**; ngày 19/10/2023, Công an tỉnh ban hành Quyết định số 2493/QĐ-CAT- PV01 về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông **Bùi Văn Á**.

Ngày 01/12/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 8375/UBND-TD về việc ủy quyền tổ chức đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông **Bùi Văn Á**. Theo đó, giao Công an tỉnh xác minh và tham mưu giải quyết khiếu nại, ủy quyền Giám đốc Công an tỉnh tổ chức đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông **Bùi Văn Á**. Ngày 13/12/2023, Giám đốc Công an tỉnh tổ chức đối thoại để giải quyết khiếu nại đối với ông **Bùi Văn Á**.

* Kết quả xác minh

Ngày 17/11/2023, Công an tỉnh làm việc với ông **Bùi Văn Á** để xác minh các nội dung khiếu nại, kết quả xác minh như sau:

Ông **Bùi Văn Á** khai nhận là con rể của bà **Võ Thị H** (sinh năm 1950, trú tại **H, T, N**). Vào tháng 4/2023, bà **H** có nhờ ông **Bùi Văn Á** mua cát đổ vào hồ tôm để nâng đáy hồ, gia cố lại hai bên bờ hồ. Ông **Bùi Văn Á** liên hệ với ông **Đặng Ngọc B** để mua cát đổ vào hồ tôm và diễn biến sự việc sau này, ông **Bùi Văn Á** đã khai với cơ quan trước đó. Ông **Bùi Văn Á** cho rằng mức tiền phạt là 175.000.000 đồng là quá cao. Ông **Á** và gia đình xin thêm thời gian để xem xét lại Quyết định xử phạt, nếu Quyết định xử phạt này đúng thì gia đình ông **Á** sẽ

xin rút lại Đơn khiếu nại đã gửi cho Chủ tịch UBND tỉnh và gia đình sẽ nộp đơn xin cứu xét, miễn giảm hoặc được nộp phạt nhiều lần.

Quá trình làm việc với ông **Á** khai nhận: mặc dù biết khu vực tuyến **sông T** đoạn qua xã **T**, huyện **N** không được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho tổ chức, cá nhân nhưng ông **Á** vẫn thống nhất chi tiền mua dầu Diesel để **Đăng Ngọc B** sử dụng phương tiện, máy móc hoạt động khai thác khoáng sản (cát) trái phép. Qua tra cứu tại Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh xác định ông **Bùi Văn Á** không có tiền án, tiền sự.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định: mặc dù ông **Bùi Văn Á** biết việc khai thác cát tại khu vực trên không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép là vi phạm pháp luật nhưng ông **Bùi Văn Á** hứa sẽ chi trả tiền mua nhiên liệu để **B** thực hiện hành vi khai thác cát trái phép và cho mượn hồ tôm để trải bạt nuôi cá vào mùa đông nên **B** đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của ông **Bùi Văn Á** đã giúp sức cho **Đăng Ngọc B** thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, ông **Bùi Văn Á** chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”, chưa bị kết án về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” với tổng khối lượng khai thác là 874,9m³ cát được Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự định giá là 87.490.000 đồng. Do đó, hành vi trên của ông **Bùi Văn Á** chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng đủ yếu tố xác định hành vi của ông **Bùi Văn Á** cấu thành vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ sửa đổi sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ. Khung tiền phạt từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Ông **Bùi Văn Á** không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ nên mức phạt 175.000.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Quá trình làm việc với bà **Võ Thị H**: bà **Võ Thị H** (mẹ vợ ông **Á**) có một hồ nuôi tôm do bị sạt lở nên không sử dụng được. Bà **H** có nói với ông **Bùi Văn Á** mua cát để đổ vào hồ tôm, tu sửa lại hồ tôm. Quá trình tìm mua cát, ông **Á** mua của ai thì bản thân bà **H** hoàn toàn không biết. Bản thân bà **H** hoàn toàn không biết **Đăng Ngọc B** là ai, ở đâu, làm gì. Mọi giao dịch mua cát của ông **B** đều do ông **Bùi Văn Á** thỏa thuận.

- Quá trình làm việc với **Đăng Ngọc B**: **Đăng Ngọc B** làm nghề chài lưới và nuôi cá trên **sông T** gần sát hồ nuôi tôm của ông **Bùi Văn Á**. Ông **Bùi Văn Á** hẹn gặp **Đăng Ngọc B** tại trại trồng coi hồ tôm của ông **Bùi Văn Á** để bàn bạc, thống nhất nội dung sau: Bàn chịu trách nhiệm sử dụng các máy móc **sông T** đổ cát vào hồ tôm bị sạt lở nhằm nâng đáy hồ tôm lên cao khoảng 30cm với mục đích cải tạo, gia cố hồ nuôi tôm và ông **Bùi Văn Á** sẽ cho **Đăng Ngọc B** mượn hồ tôm trải bạt nuôi cá vào mùa đông. Quá trình làm việc với **Đăng Ngọc B** khai nhận

hoàn toàn không biết bà **Võ Thị H** là ai, bà **H** không có mối quan hệ gì với **Đặng Ngọc B**. Việc khai thác cát trái phép chỉ có ông **Bùi Văn Á** và **Đặng Ngọc B** tham gia.

*** Kết quả đối thoại**

Ngày 13/12/2023, Công an tỉnh đã chủ trì tổ chức đối thoại với ông **Bùi Văn Á**. Tham gia buổi đối thoại có các cơ quan: Ủy ban MTTQVN tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Tiếp công dân tỉnh, Sở Tư pháp, Hội Luật gia tỉnh, **Sở T1** và các đơn vị nghiệp vụ của Công an tỉnh.

Tại buổi đối thoại, ông **Bùi Văn Á** nhận thấy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông **Bùi Văn Á** cho rằng nhiều người hút cát nhưng không ai bị bắt nên ông mới bắt chước làm theo. Do mùa mưa lũ, vì mục đích làm kinh tế, vì miếng cơm manh áo nên kính mong lãnh đạo xem xét. Ông **Bùi Văn Á** cho rằng mình là người dân không hiểu quy định của pháp luật nên mới thực hiện hành vi nêu trên.

Đại diện các cơ quan tham gia buổi đối thoại thống nhất với kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Công an tỉnh tại Báo cáo số 5480/BC-CAT-PV01 ngày 24/11/2023.

*** Kết luận nội dung khiếu nại:**

Qua quá trình kiểm tra, xác minh và tổ chức đối thoại các nội dung khiếu nại đối với các bên có liên quan và căn cứ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ và quy định của pháp luật có liên quan; khẳng định Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông **Bùi Văn Á** là đúng quy định của pháp luật. Nội dung khiếu nại của ông **Bùi Văn Á** đối với Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 là không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông **Bùi Văn Á**, nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông **Á**. Kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Giám đốc Công an tỉnh Q trình bày:

Thông nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về nội dung vụ việc có liên quan đến ông **Bùi Văn Á** và ông **Đặng Ngọc B**.

Ngày 13/9/2023, **Phòng C3 Công an tỉnh Q** tiếp nhận văn bản và hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính từ Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q**. Căn cứ kết quả điều tra, xác minh và văn bản đề nghị của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh, ngày 14/9/2023, **Phòng C3 Công an tỉnh Q** lập biên bản vi phạm hành chính số 0000001/BB-VPHC đối với ông **Bùi Văn Á** về hành vi vi phạm pháp luật hành chính trên lĩnh vực khoáng sản như trên theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Xét thấy vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Q, ngày 26/9/2023, **Công an tỉnh Q** đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành quyết định số 2026/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Bùi Văn Á** theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định 36/2020-NĐ/CP của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ), cụ thể: xử phạt chính: phạt tiền 175.000.000 đồng (áp dụng mức trung bình của khung xử phạt từ 150.000.000đ đến 200.000.000 đồng); xử phạt bổ sung: không áp dụng vì tang vật, phương tiện đang trong giai đoạn là vật chứng của vụ án hình sự; biện pháp khắc phục hậu quả: buộc thực hiện các giải pháp đưa khu vực đã khai thác về trạng thái an toàn.

Yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn Á** là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện đối với Giám đốc **Công an tỉnh Q**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HCST ngày 01-7-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

“Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Khiếu nại; Nghị định 36/2020-NĐ/CP của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn Á** về việc:*

*- Hủy Biên bản vi phạm hành chính số 0000001/BB-VPHC ngày 14/9/2023 của **Phòng C3 Công an tỉnh Q**.*

- *Hủy Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.*

- *Hủy Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn Á.”*

Ngày 13/7/2024, ông **Bùi Văn Á** có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/5/2025, ông **Bùi Văn Á** có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Do người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để làm văn bản hỏi ý kiến người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm thì ông **Bùi Văn Á** tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, việc rút khởi kiện của ông **Á** được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q và Giám đốc công an tỉnh Quảng Nam đồng ý, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 28/4/2025, ông **Bùi Văn Á** có “Đơn xin rút kháng cáo và toàn bộ nội dung khởi kiện”, có nội dung “*Hôm nay, bằng đơn này tôi xin rút mọi dung kháng cáo và toàn bộ nội dung khởi kiện. Kính đề nghị Tòa cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm. Tôi hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay cưỡng ép gì*”. Đơn trên của ông **Á** có xác nhận của Văn phòng C4, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 19/5/2025, Giám đốc Công an tỉnh Q có Văn bản số 1901/CAT-PV01, có ý kiến: “*Đồng ý với việc rút kháng cáo và toàn bộ nội dung khởi kiện của người khởi kiện là ông Bùi Văn Á trong vụ án hành chính phúc thẩm số 128/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 03 năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản”*”.

Ngày 22/5/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q có Văn bản số 4276/UBND-NCKS, có ý kiến: “*Đồng ý với việc rút kháng cáo và toàn bộ nội dung khởi kiện của người khởi kiện là ông Bùi Văn Á trong vụ án hành chính phúc thẩm số 128/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 03 năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản”*”.

[2] Như vậy, người khởi kiện là ông **Bùi Văn Á** tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện và được người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, Giám đốc Công an tỉnh Q đồng ý với việc rút nội dung khởi kiện. Do đó, có cơ sở chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: ông **Bùi Văn Á** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241, khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng Hành chính;

[1] Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HCST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2] Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 128/2025/TLPT-HC ngày 17/3/2025 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, giữa:

* **Người khởi kiện:** Ông **Bùi Văn Á**, sinh năm 1977; địa chỉ: **thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

* **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

2. Giám đốc Công an tỉnh Q.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Đặng Ngọc B**, sinh năm 1987; địa chỉ: **thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

2. Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1948.

3. Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: **thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông **Bùi Văn Á** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000051 ngày 30/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Bùi Văn Á** phải chịu 150.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông **Bùi Văn Á** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0000282 ngày 28/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa